

Bản án số:11/2020/DS-ST

Ngày 19-3-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T-TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Hà Minh T

2.Bà Trần Thị N

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh K -Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:10/2019/TLST-DS ngày10 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th

Địa chỉ: số 122 ấp Huỳnh Thơ, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Nhựt Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 122 ấp Huỳnh Thơ, xã Hậu T Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn:* ông Trần Thanh Qu, sinh năm 1979

bà Lê Thị X, sinh năm 1980

Cùng cư trú: ấp Hòa Tân, xã H, huyện Tân T, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt,riêng bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà Trần Thị Nhựt Th trình bày: Ngày 14/01/2019

vợ chồng ông Qu, bà X và Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th (viết tắt Cửa hàng) ký hợp đồng số 03-2019/TT mua thức ăn-thuốc thủy sản nhiều lần, đến ngày 03/6/2019 ông Qu, bà X có ký giấy xác nhận nợ (cam kết và thanh toán nợ) số tiền 158.855.000đồng và cam kết trả nợ ngày 03/7/2019. Đến ngày 29/9/2019 vợ chồng ông Qu tiếp tục ký giấy xác nhận nợ Cửa hàng 285.010.000đồng (nợ cũ số tiền 158.855.000đồng và nợ mới từ ngày 02/6/2019 đến ngày 27/9/2019 số tiền 126.155.000đồng) và cam kết đến ngày 15/10/2019 hoàn trả, nhưng không trả nợ. Nay yêu cầu ông Qu, bà X trả số tiền gốc 285.010.000đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định Nhà nước của số tiền gốc 158.855.000đồng tính lãi từ ngày 03/6/2019 đến ngày 29/9/2019 và tiền nợ cũ 126.155.000đồng và tính lãi từ ngày 29/9/2019 đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh Qu và bà Lê Thị X, Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án và thông báo phiên hòa giải ngày 19/12/2019 lần 1 nhưng ông Qu, bà X vắng mặt. Ngày 09/01/2020 Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 nhưng ông Qu, bà X vắng mặt không có lý do, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Đối với ông Trần Thanh Qu và bà Lê Thị X, ngày 20/02/2020 Tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2020/QĐXXST-DS ngày 14/02/2020 ông Qu, bà X vắng mặt. Ngoài ra Tòa án niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 03/3/2020 và ấn định thời gian xét xử lại ngày 19/3/2020 nhưng ông Qu, bà X vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp “ Hợp đồng mua bán tài sản” giữa Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th với ông Trần Thanh Qu, bà Lê Thị X là tranh chấp dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về nội dung:

2.1 Ngày 14/01/2019 Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th với vợ chồng ông Qu, bà X ký hợp đồng số 03-2019/TT mua bán thức ăn - thuốc thủy sản, sau khi ký hợp đồng ông Qu, bà X mua thức ăn, thuốc thủy sản của Cửa hàng từ ngày 16/3/2019 đến ngày 27/5/2019 nhiều lần với số tiền 158.855.000đồng. Ngoài ra đến ngày 02/6/2019 ông Qu, bà X tiếp tục mua thức ăn, thuốc thủy sản của Cửa hàng đến ngày 27/9/2019 nợ tiếp số tiền 126.155.000đồng, tổng cộng ông Qu, bà X mua thức ăn, thuốc thủy sản của Cửa hàng từ ngày 16/3/2019 đến ngày 27/9/2019, tổng cộng nợ số tiền 285.010.000đồng.

2.2 Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà Th cung cấp 02 giấy biên nhận nợ ngày 03/6/2019 và ngày 29/9/2019 của ông Trần Thanh Qu và bà Lê

Thị X.

Đối với giấy biên nhận nợ (cam kết và thanh toán nợ) ngày 03/6/2019 ông Qu cùng với bà X thừa nhận còn nợ Cửa hàng 158.855.000đồng và hẹn đến ngày 03/7/2019 thanh toán, nhưng không thanh toán cho Cửa hàng. Đồng thời từ ngày 02/6/2019 đến ngày 27/9/2019 ông Qu, bà X tiếp tục mua thức ăn, thuốc thủy sản của Cửa hàng nợ số tiền 126.155.000đồng, cho nên để xác định lại số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản của Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th nên ngày 29/9/2019 ông Qu và bà X viết giấy biên nhận nợ (cam kết và thanh toán nợ) cho Cửa hàng số tiền 285.010.000đồng.

Xét thấy đối với giấy biên nhận nợ (cam kết và thanh toán nợ) ngày 29/9/2019 về nội dung như sau: Ngày 16/3/2019 đến ngày 27/5/2019 tổng số nợ 158.855.000đồng. Từ ngày 02/6/2019 đến ngày 27/9/2019 nợ 126.155.000đồng. Tổng số tiền của 02 đợt là 285.010.000đồng, trong đó ông Qu, bà X hẹn đến ngày 15/10/2019 thanh toán cho Cửa hàng, nhưng ông Qu, bà X không thực hiện theo cam kết là vi phạm hợp đồng đối với Cửa hàng.

2.3 Về phía ông Qu và bà X ngày 19/12/2019 Tòa án giao thông báo về phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, cũng như ngày 09/01/2020 Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Qu, bà X vắng mặt và không có văn bản hay ý kiến gì về việc khởi kiện và yêu cầu thanh toán nợ của Cửa hàng.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th thừa nhận đến ngày 22/01/2020 ông Qu trả Cửa hàng số tiền 100.000.000đồng, sau đó đến ngày 24/02/2020 ông Qu, bà X trả tiếp 75.000.000đồng. Như vậy cho thấy sau khi thụ lý giải quyết vụ án ông Qu, bà X có trả Cửa hàng 02 lần số tiền 175.000.000đồng còn nợ số tiền 110.010.000đồng là phù hợp với giấy biên nhận nợ ngày 29/9/2019 của ông Qu, bà X, do đó tại phiên tòa bà Th yêu cầu ông Qu, bà X có nghĩa vụ trả số tiền gốc 110.010.000đồng là có cơ sở.

2.4 Về lãi suất, tại giấy biên nhận nợ (cam kết và thanh toán nợ) ngày 29/9/2019 của ông Qu, bà X về nội dung có ghi như sau: “...Nếu chúng tôi chậm trả theo thời hạn như thỏa thuận trên. Chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu mọi vi phạm trước pháp luật và chịu lãi suất 2%/tháng”. Như vậy ông Qu, bà X với Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th có thỏa thuận về việc trả lãi suất do chậm thanh toán tiền nợ.

Xét thấy việc thỏa thuận trả lãi suất 2%/tháng do chậm thanh toán nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng ông Qu, bà X với Cửa hàng là tự nguyện nhưng không đúng với quy định của pháp luật. Bởi tại khoản 1 Điều 468 BLDS quy định: “Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...” Tuy nhiên tại phiên tòa bà Th yêu cầu ông Qu, bà X trả lãi với mức lãi suất 1,67%/ tháng của số tiền gốc 285.010.000đồng tính từ ngày 29/9/2019 là từ khi ký giấy biên

nhận nợ đến ngày ông Qu trả 100.000.000đồng vào ngày 22/01/2020 là 03 tháng 23 ngày phù hợp pháp luật và được tính như sau:

$285.010.000\text{đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 18.212.200\text{đồng}$ (lấy tròn số)

Ngoài ra tại phiên tòa bà Th trình bày đến ngày 24/02/2020 ông Qu trả tiếp Cửa hàng số tiền nợ 75.000.000đồng nên còn nợ lại số tiền 110.010.000đồng, do đó bà Th yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày xét xử ngày 19/3/2020 là 24 ngày là phù hợp (lãi suất 1%/tháng : 30 ngày = 0,03% ngày) và được tính như sau:

$110.010.000\text{đồng} \times 0,03\% \times 24 \text{ ngày} = 792.000 \text{ đồng}$ (lấy tròn số), tổng cộng của 02 khoản tiền lãi là 19.004.200đồng (18.212.200đồng + 792.000đồng)

2.5 Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc ông Trần Thanh Qu và bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th số tiền gốc 110.010.000đồng và tiền lãi 19.004.200đồng, tổng cộng 02 khoản gốc và lãi là 129.014.200đồng.

[3].Về án phí: ông Qu, bà X có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th không phải chịu án phí nên được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 430, 440, 468 BLDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Th vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th.

1.Buộc ông Trần Thanh Qu, bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th 129.014.200đồng (*Một trăm hai mươi chín triệu không trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

2.Về án phí: Ông Trần Thanh Qu, bà Lê Thị X phải chịu 6.450.710đồng án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Cửa hàng kinh doanh thức ăn thủy sản Tùng Th 7.677.800 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000677 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn H